

XUẤT NHẬP KHẨU TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

PGS. TS. NGUYỄN VĂN LỊCH

Viện Trưởng Viện Nghiên cứu Thương mại - Bộ Công thương

Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình chủ động gắn kết nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế khu vực và thế giới thông qua các nỗ lực tự do hoá và mở cửa trên các cấp độ đơn phương, song phương và đa phương. VN thực hiện chính sách “Đổi mới” và mở cửa nền kinh tế, hội nhập quốc tế từ năm 1986. Ban hành Luật đầu tư nước ngoài tại VN vào năm 1997, từng bước tham gia vào các tổ chức liên kết khu vực và quốc tế. VN ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế. Đến nay, nước ta đã là thành viên của nhiều tổ chức liên kết kinh tế quốc tế (khu vực, liên khu vực và toàn cầu) như ASEAN, APEC, WTO,... có quan hệ thương mại với 180 quốc gia và vùng lãnh thổ, ký 86 hiệp định thương mại song phương và 46 hiệp định hợp tác đầu tư với các nước.

Việc VN trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/1/2007 đã đánh dấu một mốc quan trọng trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của VN. Mặc dù năm 2008 tình hình kinh tế thế giới có những diễn biến phức tạp, nhưng hoạt động kinh tế quốc

tế của VN vẫn đạt kết quả tích cực. Về đa phương, tiếp tục thực thi cam kết WTO và tham gia các hoạt động của WTO. Về khu vực, cùng các nước ASEAN đã hoàn thành Hiệp định hàng hoá ASEAN (ATIGA) để thay thế Hiệp định CEPT-AFTA trước đây, triển khai thực thi các Hiệp định FTA đã ký. Về song phương, đã hoàn tất và ký hiệp định đối tác kinh tế VN - Nhật vào ngày 25/12/2008 sau gần 2 năm đàm phán.

Hiện VN tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động xây dựng hành lang pháp lý với các nước thông qua đàm phán, ký kết các hiệp định song phương và đa phương, đồng thời đẩy mạnh các cuộc vận động, kể cả trong đàm phán về mở cửa thị trường để các nước công nhận ta là nền kinh tế thị trường. Tổ chức thực hiện và phối hợp tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các cam kết quốc tế về thương mại, đầu tư, trước hết là các cam kết trong khuôn khổ WTO, AFTA, Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, các cam kết song phương và đa phương trong ASEAN, v.v. .

Các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế đã

mang lại nhiều cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá cho các doanh nghiệp và đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động xuất nhập khẩu (XNK) của VN. Từ 1995 trở về trước, VN chủ yếu sống nhờ viện trợ, nên các hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá không phản ánh đúng thực chất. Do vậy, trong bài viết này chỉ tập trung phân tích hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá từ 1996 đến nay, đặc biệt chú trọng giai đoạn hậu gia nhập WTO của VN.

1. Những kết quả đạt được

Kim ngạch XNK hàng hoá tăng nhanh: Kim ngạch XNK hàng hoá của VN không ngừng tăng lên. Năm 1996, kim ngạch XNK hàng hoá mới đạt 18.399,4 triệu USD, đến năm 2008 đã tăng lên 143.398,9 triệu USD, gấp 7,79 lần so với 1996. Kim ngạch XNK tăng bình quân 18,67%/năm trong thời kỳ này. VN càng hội nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế, kim ngạch XNK hàng hoá càng gia tăng mạnh (xem Bảng 1).

Sau khi trở thành thành viên chính thức của WTO, VN bắt đầu thực hiện các cam kết, đặc biệt là các cam kết giảm thuế. Từ 11/1/2007 VN đã cắt giảm trên 1.000 dòng thuế (trong đó có nhóm hàng tiêu dùng), từ 1/1/2008 tiếp tục giảm khoảng 1.700 dòng thuế, năm 2009 sẽ tiếp tục giảm khoảng 2.000 dòng thuế của hơn 20 nhóm hàng với mức tối đa cũng khoảng 2%. Việc giảm thuế đã là một trong những nguyên nhân cơ bản làm tăng nhập khẩu (ngoài ra còn có các nguyên nhân khác như: giá hàng hoá thế giới tăng mạnh, đầu tư nước ngoài vào VN tăng đột biến).

Xuất khẩu tăng trưởng cao, đã trở thành trụ cột của nền kinh tế và là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế: Kim ngạch XK tăng bình quân 19,68%/năm trong thời kỳ hội nhập. XK tăng vọt vào năm 2008 (29,1%). Mức tăng trưởng XK trong giai đoạn này bình quân gấp khoảng 2,5 lần mức tăng trưởng GDP. Với tốc độ tăng trưởng XK cao, hiện nay, VN đã tăng tỷ trọng hàng XK của mình lên mức 0,2% trong tổng XK sản phẩm

Bảng 1: Xuất nhập khẩu hàng hoá của VN thời kỳ 1996 - 2008

Đơn vị: Triệu USD

Năm	XK		NK		Xuất nhập khẩu		Cán cân thương mại
	Kim ngạch	Tăng trưởng (%)	Kim ngạch	Tăng trưởng (%)	Kim ngạch	Tăng trưởng (%)	
1996	7.255,8	33,2	11.143,6	36,6	18.399,4	35,2	-3.887,8
1997	9.185,0	26,6	11.592,3	4,0	20.777,3	12,9	-2.407,3
1998	9.360,3	1,9	11.499,6	-0,8	20.859,9	0,4	-2.139,3
1999	11.541,4	23,3	11.742,1	2,1	23.283,5	11,6	-200,7
2000	14.482,7	25,5	15.636,5	33,2	30.119,2	29,4	-1.153,8
2001	15.029,2	3,8	16.217,9	3,7	31.247,1	3,7	-1.188,7
2002	16.706,1	11,2	19.745,6	21,8	36.451,7	16,7	-3.039,5
2003	20.149,3	20,6	25.255,8	27,9	45.405,1	24,6	-5.106,5
2004	26.485,0	31,4	31.968,8	26,6	58.453,8	28,7	-5.483,8
2005	32.447,1	22,5	36.761,1	15,0	69.208,2	18,4	-4.314,0
2006	39.826,2	22,7	44.891,1	22,1	84.717,3	22,4	-5.064,9
2007*	48.561,4	21,9	62.682,2	39,6	111.243,6	31,3	-14.120,8
2008**	62.685,1	29,1	80.713,8	28,8	143.398,9	28,9	-18.028,7
Tổng	313.714,6	-	379.850,4	-	693.565,0	-	-66.135,8
3T/2009**	13.479,0	-	11.832,0				1.647,0

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2007 (tr.447), NXB Thống kê, Hà Nội - 2008;

* Sơ bộ; ** Số liệu ước tính.

phi dầu mỏ của thế giới và 0,6% trong tổng XK sản phẩm phi dầu mỏ của các nước đang phát triển.

Cơ cấu hàng XK đã chuyển biến theo hướng tích cực: Giảm tỷ trọng nhóm hàng nông-lâm-thủy sản, tăng tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp nặng-khoáng sản và nhóm hàng công nghiệp nhẹ- tiểu thủ công nghiệp; tăng dần các sản phẩm chế biến, giảm các sản phẩm thô, nguyên liệu trong cơ cấu hàng XK. Tỷ trọng trung bình của nhóm hàng nông-lâm-thủy sản là 28,9%/năm, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản là 32,8%/năm, nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp là 38,3% trong cơ cấu hàng XK của VN.

Thị trường XK, NK ngày càng được mở rộng, đặc biệt là thị trường XK liên tục được mở rộng và đa dạng hoá: Công tác phát triển thị trường XK đạt được nhiều thành tựu quan trọng, vừa mở ra những thị trường mới, vừa thâm nhập và khai thác tốt hơn những thị trường đang có. Các doanh nghiệp đã đột phá XK thành công vào thị trường Mỹ và duy trì được thị phần trên thị trường lớn nhất thế giới này. Ngoài ra, VN đã giảm dần được thị phần ở thị trường châu Á, củng cố thị trường EU, khôi phục thị trường Nga và Đông Âu, mở rộng thị trường châu Đại Dương, khai phá mạnh mẽ thị trường Trung Đông, châu Phi và Mỹ Lat-inh, v.v...

Cơ chế điều hành ngày càng thông thoáng và ổn định hơn: Cơ chế, chính sách quản lý hoạt động XNK hàng hoá đã có sự chuyển biến quan trọng theo hướng chuyển từ cơ chế xin cho, chịu sự tác động trực tiếp của Nhà nước sang cơ chế thị trường trong sự phân bổ nguồn lực xã hội, gắn bó giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

Các chủ thể tham gia XK không ngừng được mở rộng, đa dạng hoá và hoạt động ngày càng hiệu quả, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Những tồn tại và hạn chế

Bên cạnh những thành quả đạt được như kim ngạch XNK tăng nhanh, cơ cấu hàng XK đã chuyển biến theo hướng tích cực, cơ chế điều hành ngày càng thông thoáng hơn,... hoạt động XNK hàng hoá trong thời kỳ hội nhập vẫn còn những tồn tại và hạn chế sau đây:

Tăng trưởng XK nhanh nhưng chưa vững chắc và rất dễ bị thương tổn bởi các cú sốc từ bên

ngoài: Hàng XK của nước ta chủ yếu là nguyên liệu thô, hàng sơ chế và hàng gia công, nên hoạt động XK rất dễ bị tổn thương bởi các tác động từ các cú sốc ở bên ngoài như: Sự biến động giá cả trên thị trường thế giới, sự xuất hiện của các rào cản thương mại mới của nước ngoài, cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu v.v..

Chậm chuyển dịch cơ cấu hàng XK theo hướng gia tăng tỷ trọng các sản phẩm chế biến: Những năm gần đây, tỷ trọng hàng chế biến trong cơ cấu hàng XK không có sự cải thiện đáng kể, nước ta vẫn chủ yếu XK nguyên liệu thô, hàng sơ chế, hàng gia công, lắp ráp. Các mặt hàng XK như dầu thô, khoáng sản, nông sản, thủy sản khó có thể tăng trưởng mạnh do gặp phải hạn chế mang tính cơ cấu như năng suất, diện tích canh tác, sản lượng, yếu tố tự nhiên, môi trường, thì tăng lượng hàng chế biến XK là hướng chủ đạo để tăng kim ngạch XK và khắc phục tình trạng nhập siêu. Tuy nhiên, cho tới nay VN vẫn chưa có những mặt hàng XK có giá trị gia tăng cao, hàng công nghệ cao gần như chưa có. Hàng chế biến XK vẫn là những mặt hàng như dệt may, da giày, sản phẩm gỗ, v.v... phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nước ngoài và gia công, có giá trị gia tăng thấp.

Tăng trưởng NK cao và qui mô NK lớn đã dẫn tới nhập siêu và mức nhập siêu ngày càng trầm trọng: Kim ngạch NK hàng hoá tăng cao (bình



quần 17,94%/năm) trong thời kỳ hội nhập. Lần đầu tiên trong vòng 13 năm, NK đạt 80,7 tỷ USD vào năm 2008 (cao gấp 1,29 lần so với XK), đưa tổng kim ngạch NK trong cả thời kỳ lên 379.850,4 triệu USD, chiếm 54,77% tổng kim ngạch XNK. Bởi vậy mà nhập siêu cả thời kỳ này là 66.135,8 triệu USD, riêng nhập siêu năm 2008 lên tới 18.028,7 triệu USD, chiếm 28,76% tổng kim ngạch XK.

Cơ cấu hàng NK còn bất cập: Tỷ trọng nhóm hàng máy móc, thiết bị tiên tiến, công nghệ nguồn vẫn còn thấp (chiếm bình quân 28,96% tổng kim ngạch NK hàng năm). Điều này cho thấy mức độ đổi mới công nghệ của nước ta còn rất chậm. Xét về dài hạn, yếu kém về công nghệ sẽ ảnh hưởng tới khả năng cạnh tranh của hàng XK và hàng thay thế NK. Do đó, trong dài hạn sẽ khó có thể cải thiện được CCTM, hạn chế được nhập siêu. Trong khi đó, tỷ trọng NK nguyên nhiên vật liệu khá cao (chiếm bình quân 62,74% tổng kim ngạch NK hàng năm), cho thấy ngành công nghiệp phụ trợ của nước ta còn kém phát triển, nên các ngành sản xuất phụ thuộc quá lớn vào nguyên liệu đầu vào NK. Điều này sẽ cản trở việc cải thiện tình trạng nhập siêu vì không thể giảm NK nguyên liệu.

Cơ cấu thị trường XNK còn nhiều hạn chế: Nhập khẩu chủ yếu từ thị trường châu Á (chiếm

bình quân 80,1% tổng kim ngạch NK hàng hoá hàng năm) - thị trường cung cấp nguyên phụ liệu và công nghệ trung gian, trong khi đó lại XK chủ yếu sang thị trường Mỹ, châu Âu, Nhật - thị trường công nghệ nguồn. Với tỷ trọng NK cao từ các thị trường có trình độ công nghệ trung bình và xuất siêu sang các thị trường công nghệ nguồn sẽ gây khó khăn cho việc phát triển theo kiểu rút ngắn, đi tắt đón đầu, xác định vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Nhập siêu kéo dài và ngày càng gia tăng, đặc biệt tăng mạnh kể từ khi VN gia nhập WTO: Nhập siêu đã trở thành căn bệnh của nền kinh tế. Nhập siêu triền miên trong cả thời kỳ hội nhập, chỉ trừ năm 1992 xuất siêu vền vện 40 triệu USD. Chỉ tính 2 năm (2007-2008), nhập siêu đã lên tới 32.149,5 triệu USD, trong khi đó 11 năm (1996-2006) nhập siêu là 33.986,3 triệu USD. Tổng trị giá nhập siêu trong thời kỳ 1996-2008 là 66.135,8 triệu USD, chiếm 21,08% tổng kim ngạch XK. Thời kỳ này, nhập siêu đạt kỷ lục cả về mức tăng trưởng, qui mô, tỷ lệ nhập siêu so với XK và GDP. Nhập siêu tăng mạnh, vượt ngưỡng an toàn (nhập siêu >5% GDP) và đã xuất hiện nhiều yếu tố bất ổn đối với cán cân vãng lai (CCVL), cán cân thanh toán quốc tế (CCTTQT) và đe dọa sự ổn định của kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, 3 tháng đầu năm 2009, VN lại có xuất siêu (1,647 tỷ USD). Xuất siêu ở đây lại không phản ánh bản chất thật của nền kinh tế.

Sự phát triển XK, NK ở tốc độ cao nhưng chưa đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững: XK khoáng sản, hàng thô còn chiếm tỷ trọng lớn, chưa chú ý tới bảo vệ môi trường sinh thái, đặc biệt ở những cơ sở sản xuất, chế biến hàng XK; chưa chú ý đúng mức tới sử dụng nguyên liệu tự nhiên, có khả năng tái chế làm bao bì hàng hoá. Tình trạng phá rừng nguyên sinh, rừng ngập mặn để sản xuất hàng XK còn diễn ra phổ biến và chưa được ngăn chặn. Việc NK công nghệ cũ, rác thải, hoá chất độc hại, thuốc bảo vệ thực vật bị cấm vẫn còn xảy ra nghiêm trọng.

Quản lý nhà nước về XNK còn biểu hiện nhiều bất cập: Quản lý nhà nước trong phát triển hàng XK, xây dựng hạ tầng thương mại,... chưa theo quy hoạch thống nhất, hoặc có quy hoạch nhưng không chỉ đạo theo quy hoạch; chính sách quản lý có liên quan đến XNK còn mang nặng tính giải quyết tình huống, chưa có tầm nhìn dài hạn. Chính sách thường thay đổi, bất thường, khó dự đoán,... gây



khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch kinh doanh của các nhà đầu tư, doanh nghiệp; chưa có đủ lực lượng, thiếu công cụ và những biện pháp hữu hiệu trong quản lý thị trường, kiểm soát NK bảo đảm phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

Cơ sở hạ tầng phục vụ XK còn thiếu và chưa đảm bảo chất lượng: Thiếu cảng, cầu đường cho vận chuyển hàng hoá, không đủ tiện ích cho dự trữ, chế biến hàng hoá XK.

Công tác thông tin, phân tích, dự báo tình hình biến động của giá cả, thị trường hàng hoá thế giới để có biện pháp đối phó thích ứng còn yếu và chưa được quan tâm đúng mức: Hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước chưa đủ mạnh. Thông tin từ cơ quan quản lý nhà nước tới các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh XN, NK chưa được xây dựng và tiến hành theo quy trình, chuẩn mực chung.

Các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động XNK hàng hoá còn yếu cả về số lượng, kém về chất lượng, thiếu hiểu biết về thông lệ quốc tế: Hầu hết các doanh nghiệp VN còn quá nhỏ bé về năng lực tài chính, quy mô kinh doanh, hạn hẹp về lĩnh vực hoạt động; Khả năng liên kết, xâu chuỗi, hỗ trợ nhau trong hoạt động XK giữa các doanh nghiệp trong nước còn yếu.

3. Các giải pháp đẩy mạnh hoạt động XNK

- Chuyển dịch cơ cấu hàng XK theo hướng gia tăng tỷ trọng hàng có giá trị gia tăng cao: Chuyển dịch cơ cấu hàng XK theo hướng gia tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến dựa trên lợi thế lao động và công nghệ nguồn. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất dựa vào nguồn lao động dồi dào và kỹ thuật trung bình để tăng lợi thế về quy mô, đồng thời nhanh chóng chuyển sang phát triển các ngành sản xuất hàng XK dựa vào vốn và kỹ thuật cao để gia tăng nhanh giá trị. Chú trọng đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng của hàng XK, hạn chế XK hàng nguyên liệu thô sơ chế, đặc biệt đối với hàng nông, thủy sản.

- Nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng XK: Xây dựng chiến lược phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn dựa trên lợi thế cạnh tranh để trong một thời gian nhất định tạo ra những sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao, có ảnh hưởng quốc tế, chiếm vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu; giảm bảo hộ có hiệu lực cho sản xuất trong nước để phù hợp với việc thực hiện các cam kết khi gia nhập

WTO, đồng thời khắc phục tình trạng thiên lệch bất lợi cho XK; tăng cường đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, chú trọng đổi mới công nghệ, thiết bị, đẩy mạnh sản xuất và XK các mặt hàng có kim ngạch lớn, có khả năng tăng trưởng cao; Chính phủ cần hỗ trợ hơn nữa cho các doanh nghiệp XK tiếp cận với nguồn vốn hiệu quả hơn.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và đa dạng hoá thị trường XK: Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường XK cho các mặt hàng có tiềm năng phát triển không bị hạn chế về khả năng sản xuất, sử dụng nhiều nguyên liệu trong nước như: hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm cao su, hàng thực phẩm chế biến, hoá mỹ phẩm, sản phẩm cơ khí. Chú trọng và nâng cao hiệu quả của công tác xúc tiến thương mại, đặc biệt là hoạt động nghiên cứu thị trường, đẩy mạnh xúc tiến thương mại ở cấp Chính phủ, phát triển thương mại điện tử để giảm chi phí tiếp thị. Tăng cường và đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu để đạt hiệu quả cao, phấn đấu tăng trưởng XK cao hơn mức tăng NK, từng bước giảm tỷ lệ nhập siêu; tích cực, chủ động thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế đầy đủ và sâu rộng để tạo điều kiện tiếp cận thị trường rộng lớn cho hàng XK.

- Xây dựng hàng rào kỹ thuật và áp dụng các biện pháp phi thuế quan phù hợp với quy định của WTO: Xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm và hệ thống kiểm dịch phù hợp tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế, đồng thời thúc đẩy, vận động tiêu chuẩn hóa và công nhận lẫn nhau giữa VN và các đối tác thương mại nước ngoài, nhằm tránh thiệt hại cho hàng XK của nước ta trước các hàng rào bảo hộ của các nước, đặc biệt đối với những bạn hàng lớn như EU, Mỹ, Nhật v.v..

- Quản lý chặt chẽ hoạt động nhập khẩu nhằm hạn chế NK công nghệ cũ, hàng giả, hàng nhái, hoá chất độc hại gây ảnh hưởng tới sản xuất và tiêu dùng và hạn chế nhập siêu: Kiểm soát NK có hiệu quả thông qua chính sách thuế và các biện pháp phi thuế (phù hợp với quy định của WTO) trên cơ sở sử dụng đồng bộ các rào cản kỹ thuật, rào cản tiêu chuẩn môi trường và các công cụ kinh tế để vừa bảo hộ hiệu quả sản xuất trong nước, bảo vệ cạnh tranh công bằng (giữa hàng NK và hàng sản xuất trong nước), bảo vệ người tiêu dùng, hạn chế các tranh chấp trong thương mại quốc tế, v.v... vừa đáp ứng đầy đủ nhu cầu vật tư, thiết

bị và công nghệ hiện đại cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước vừa hạn chế nhập siêu.

- Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ: VN với đặc thù là một nước đang phát triển, nhưng ở trình độ phát triển rất thấp, nhưng lại phát triển XK rất nhanh, dựa chủ yếu vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu (NK nguyên phụ liệu chiếm 62,74% tổng kim ngạch NK hàng năm). NK vừa để đáp ứng nhu cầu trong nước vừa để đáp ứng nhu cầu sản xuất hàng XK, nên dẫn tới nhập siêu lớn và ngày càng tăng mạnh. Cụ thể, nguyên liệu NK trong ngành may mặc chiếm tới 70%, da giày: 80%, ngành gỗ: 50%, ngành nhựa: 85%, ngành điện tử cao nhất: gần 90%. Do đó, để khắc phục tình trạng nhập siêu, cần phải phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ để thay thế NK, tạo thế chủ động cho sản xuất hàng tiêu dùng và hàng XK. Nếu không phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, để phục vụ sản xuất đáp ứng nhu cầu trong nước và XK, VN vẫn phải NK một khối lượng lớn vật tư trung gian, làm cho cuộc rượt đuổi về kim ngạch XK - NK vẫn tiếp diễn mà không có điểm dừng và đồng hành là vấn đề nhập siêu.

- Cải thiện môi trường đầu tư để thu hút vốn đầu tư nước ngoài: Xem đây là một trong những biện pháp then chốt để nâng cao trình độ công nghệ và tạo sức ép cải thiện chất lượng lao động, quản lý ở nước ta. Mở rộng hình thức thu hút vốn đầu tư nước ngoài, trước hết là bỏ các hạn chế về hình thức đầu tư đối với dự án trong ngành sản xuất chế tạo hoặc có tỷ lệ XK sản phẩm cao, những hạn chế về vốn góp và huy động vốn. Cụ thể hoá và thu hẹp các lĩnh vực không cấp giấy phép đầu tư và cấp giấy phép đầu tư có điều kiện. Thay thế các yêu cầu XK, nội địa hoá, phát triển nguồn nguyên liệu trong nước bằng những công cụ và biện pháp thích hợp.

- Chú trọng phát triển các vùng nguyên liệu: Phát triển các vùng nguyên liệu như vùng trồng cây lương thực, cây có dầu, cây nguyên liệu giấy, cây lấy gỗ, chăn nuôi bò sữa, nuôi trồng thủy sản, v.v... để đảm bảo cung cấp ngày càng nhiều nguyên liệu trong nước cho phát triển công nghiệp, góp phần tự chủ, giảm nhập siêu.

- Các giải pháp khác: Tiếp tục thực hiện chính sách điều hành tỷ giá linh hoạt theo hướng có lợi cho XK và hạn chế NK; cần sớm thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng để chia sẻ rủi ro cho doanh nghiệp, cơ cấu lại thời gian trả nợ của doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu thực tế; Chú trọng

công tác dự báo về cung cầu hàng hoá, biến động của thị trường và giá cả hàng hoá thế giới để có những phương án đối phó kịp thời trước những diễn biến bất lợi, tránh tổn thất và đem lại lợi nhuận tối đa cho doanh nghiệp; v.v... ■

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đình Bích (2008), "Tăng trưởng XK ngoài... tầm với", Báo Diễn đàn doanh nghiệp, 96.
2. Bộ Thương mại (2007), Báo cáo tổng hợp và Báo cáo chuyên đề Hội nghị thương mại toàn quốc, Hà Nội.
3. Bộ Công Thương (2008), Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2008 và kế hoạch năm 2009 của ngành công thương.
4. Hải Vũ (2008), "Tác động của khủng hoảng tài chính tới xuất khẩu của VN", Tạp chí Ngoại thương, 30/2008, tr. 8-9.
5. Nguyễn Văn Lịch (Chủ biên), Cán cân thương mại trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở VN, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2006.
6. Nguyễn Văn Lịch (2008), "Tọa đàm về công tác xuất nhập khẩu: Giải pháp đẩy mạnh XK, hạn chế nhập siêu năm 2008", Tạp chí Thương mại, 30/2008, tr. 6-8.
7. Nguyễn Thị Nhiều (2008), "Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động XK hàng hoá của VN", Tạp chí Cộng sản, 791 (9-2008), tr. 52-57.
8. Số liệu ước tính về kim ngạch XNK hàng hoá của Tổng cục Thống kê năm 2008 đăng trên trang Web: <http://www.gso.gov.vn>.
9. Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê các năm 2000-2006, Hà Nội.
10. Tổng cục Thống kê (2008), Niên giám thống kê năm 2007, tr. 103, 434, Hà Nội.

ĐÍNH CHÍNH

Tạp chí Phát triển kinh tế số 222 xuất bản ngày 01/04/2009, đã đăng bài viết "Phân loại nợ và trích lập dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong ngân hàng thương mại" của hai tác giả PGS.TS. Trần Huy Hoàng và Nguyễn Phương Huyền. Do sơ suất kỹ thuật, tên tác giả **Nguyễn Phương Huyền** đã in sai thành **Nguyễn Thị Phương Huyền**.

Toà soạn thành thật xin lỗi tác giả và bạn đọc.